

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH CÁC TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Y tế công cộng
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh :** YTC
- 3. Địa chỉ các trụ sở:** Số 1A, Đường Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://huph.edu.vn/>
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 024.6266.2335
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh:** <https://huph.edu.vn/>

<http://www.tuyensinh.huph.edu.vn>

- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo¹**
<https://huph.edu.vn/sites/dbcl/ba-cong-khai-truong-dai-hoc-y-te-cong-cong-nam-2025>

7.1. Ngành đào tạo, chương trình đào tạo:

Hiện trường đang triển khai đào tạo 7 ngành trình độ đại học, 5 ngành trình độ thạc sĩ, 2 ngành trình độ tiến sĩ và 2 chương trình chuyên khoa.

Năm 2025 Nhà trường tuyển sinh 2 ngành trình độ đại học tiến sĩ, 5 ngành trình độ thạc sĩ và 2 chương trình chuyên khoa.

Địa chỉ công khai chương trình đào tạo sau đại học:

<https://huph.edu.vn/sites/qldt/dao-tao-sau-dai-hoc>

7.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

Hiện nay, Trường Đại học Y tế công cộng có 136 giảng viên toàn thời gian (trong đó có 61 giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên (trong đó có 4 GS, 26 PGS), 1 CKII, 63 giảng viên có trình độ thạc sĩ, còn lại là các giảng viên có trình độ đại học, bác sĩ, ...) thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; 09 cán bộ quản lý phòng/trung tâm và 54 nhân viên khối hành chính và hỗ trợ.

¹ Theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công khai các thông tin về Hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Địa chỉ công khai thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:
https://huph.edu.vn/upload/2025/04/08/II.%20Nhan%20su_1744081106.pdf

7.3. Cơ sở vật chất:

Trường Đại học Y tế công cộng được thành lập từ 26/4/2001 tại cơ sở 138 Giảng Võ. Từ năm 2016, Trường được tiếp nhận trụ sở tại số 1A, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm với cơ sở vật chất được xây dựng mới, trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho các chương trình đào tạo. Trường đã bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thư viện, phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi với đầy đủ trang thiết bị dạy và học để phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và học viên, sinh viên.

Địa chỉ công khai thông tin về cơ sở vật chất:
https://huph.edu.vn/upload/2025/04/08/III.%20Co%20so%20vat%20chat_1744081121.pdf

7.4. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo của các ngành xem chi tiết tại
https://huph.edu.vn/upload/2025/04/10/V.%20Tuyen%20sinh_1744255342.pdf

7.5. Kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo.

Năm 2025, Trường Đại học Y tế công cộng hiện đang tuyển sinh 5 ngành trình độ thạc sĩ, 2 ngành trình độ tiến sĩ và 2 chương trình chuyên khoa.

Thông tin chi tiết xem tại: <https://huph.edu.vn/sites/qltd/thong-bao-tuyen-sinh-cac-chuong-trinh-dao-tao-nam-2025>

II. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Điều kiện về văn bằng

- Đối với Tiến sĩ Y tế công cộng

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc thạc sĩ ngành phù hợp: Y tế công cộng.

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc thạc sĩ các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở các ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ (trừ ngành Y tế công cộng): phải có chứng chỉ chương trình Bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Đối với Tiến sĩ Quản lý bệnh viện:

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng thạc sĩ ngành phù hợp: Quản lý/Quản trị bệnh viện, Quản lý Y tế, Tổ chức và quản lý Y tế

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc thạc sĩ các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ ngành Quản lý/Quản trị bệnh viện, Quản lý Y tế, Tổ chức và quản lý Y tế) hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở các ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù (trừ ngành Quản lý/Quản trị bệnh viện, Quản lý Y tế, Tổ chức và quản lý Y tế) theo quy định của Chính phủ phải có chứng chỉ chương trình Bổ sung kiến thức chuyên ngành quản lý y tế do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.2. Điều kiện về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học

Thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu, hoặc

- Có bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành (đối với bài báo trong nước, cần nằm trong danh mục tạp chí do Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận tính tại thời điểm công bố) hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành, hoặc

- Có thời gian công tác từ 24 tháng trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

1.3. Có đề cương nghiên cứu theo mẫu của Trường Đại học Y tế công cộng

(xem chi tiết trên website của Trường tại đường link: <https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64260>)

- Đối với ngành Y tế công cộng: chủ đề nghiên cứu tập trung vào các vấn đề y tế công cộng, y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, chăm sóc sức khỏe cho người dân (ví dụ dịch tễ học, sức khỏe môi trường - nghề nghiệp, kinh tế y tế, quản lý và chính sách y tế, ... áp dụng trong chăm sóc sức khỏe cụ thể).

- Đối với ngành Quản lý bệnh viện: chủ đề nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực quản lý bệnh viện, hoặc quản lý cơ sở chăm sóc sức khỏe như quản lý chất lượng, quản lý nhân lực, quản lý tài chính, quản lý trang thiết bị, quản lý cơ sở hạ tầng bệnh viện,...

1.4. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ:

- **Người dự tuyển là công dân Việt Nam** phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- b. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo qui định tại điểm c: hình thức đánh giá thông qua phỏng vấn ngắn tiếng Anh tại Hội đồng xét tuyển đầu vào để đánh giá khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

- **Người dự tuyển là công dân nước ngoài** phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài còn hạn theo qui định và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định của Trường Đại học Y tế công cộng áp dụng cho người dự tuyển là công dân Việt Nam nêu trên.

1.5. Về thâm niên công tác: đối với cả hai ngành Y tế công cộng và Quản lý bệnh viện, người dự tuyển có thâm niên công tác tối thiểu 1 năm kinh nghiệm (tính đến ngày đăng ký dự tuyển) có liên quan đến lĩnh vực chăm sóc và nâng cao sức khỏe là một lợi thế trong quá trình xét tuyển. Đối với thí sinh xét tuyển Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý liên quan đến chăm sóc sức khỏe sẽ là lợi thế trong quá trình xét duyệt.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh² Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Xét duyệt hồ sơ về các điều kiện văn bằng, nghiên cứu khoa học và điều kiện ngoại ngữ theo quy định.

- Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước hội đồng xét tuyển và kiểm tra năng lực tiếng Anh (nếu có).

3. Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt các yêu cầu về hồ sơ, các tiêu chí dự tuyển và đạt tối thiểu 5 điểm tại hội đồng xét tuyển đề cương đầu vào. Căn cứ chỉ tiêu sẵn có đã được thông báo, điểm xét tuyển của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.
- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
 - ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
 - ✓ Thí sinh có thâm niên công tác nhiều hơn liên quan đến lĩnh vực chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Đối với thí sinh xét tuyển Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: Thí sinh có kinh nghiệm làm việc nhiều hơn trong lĩnh vực quản lý liên quan đến chăm sóc sức khỏe;
 - ✓ Thí sinh có nhiều hơn số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí thuộc danh mục tạp chí do Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận tính tại thời điểm công bố.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh chỉ tiêu và xét tuyển bổ sung

4.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025 đối với từng ngành:

- Tiến sĩ Y tế công cộng: Dự kiến 10 chỉ tiêu
- Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: Dự kiến 15 chỉ tiêu

4.2. Điều chỉnh chỉ tiêu và xét tuyển bổ sung

4.2.1 Điều chỉnh chỉ tiêu

Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ có thể điều chỉnh theo năng lực của ngành nhưng phải đảm bảo báo cáo và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tối thiểu 30 ngày trước khi tổ chức xét tuyển.

4.2.2. Xét tuyển bổ sung

Sau thời gian nhập học Hội đồng tuyển sinh sẽ thực hiện xóa tên học viên trúng tuyển trong các trường hợp sau:

- Học viên không thực hiện nhập học theo thông báo;
- Học viên xin thôi học;
- Học viên vi phạm kỷ luật đến mức đình chỉ học tập.

Căn cứ trên chỉ tiêu sau khi xóa tên học viên, các ứng viên đạt điều kiện chưa được xét trúng tuyển ngay sau người trúng tuyển cuối cùng sẽ được xét trúng tuyển bổ sung. Việc xét tuyển bổ sung hoàn thành trước 31/12/2025.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Yêu cầu về hồ sơ dự thi

Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển đựng trong phong bì hồ sơ A4
- Bìa hồ sơ
- Các giấy tờ trong túi hồ sơ đầy đủ, xếp theo thứ tự được liệt kê ở bìa túi hồ sơ:
 - Phiếu đăng ký dự thi sau đại học
 - Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và đóng dấu giáp lai (thời gian không quá 6 tháng tính đến thời điểm dự thi).
 - Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ sau:
 - a. Bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học.
 - b. Bằng tốt nghiệp thạc sỹ, bằng điểm thạc sỹ.
 - c. Chứng minh thư nhân dân/ căn cước công dân.
 - d. Các văn bằng tiếng Anh theo qui định.
 - e. Các chứng chỉ bổ sung các môn học theo quy định (nếu thuộc diện phải bổ túc kiến thức chuyên ngành).
 - Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập, công tác của một bệnh viện đa khoa trong vòng 6 tháng trở lại tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển
 - 04 ảnh chụp trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển, cỡ 3x4 cm của thí sinh (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm sinh ở mặt sau của ảnh).
 - 02 Phong bì, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của người nhận.
 - Lý lịch khoa học có dán ảnh và đóng dấu giáp lai của cơ quan quản lý (thời gian không quá 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển).
 - Minh chứng thâm niên công tác và kinh nghiệm quản lý (nếu có) (do cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận) .
 - 05 Quyển Đề cương nghiên cứu (xem chi tiết biểu mẫu trên website của Trường tại đường link: <https://dtdh.huph.edu.vn/bieumau>)
 - Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

- Minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Bản kê các danh mục công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố trên các tạp chí khoa học kèm theo bản photocopy các công trình đó.
- Công văn của đơn vị cử tham gia dự thi Nghiên cứu sinh

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian xét tuyển:

Trường Đại học Y tế công cộng dự kiến tổ chức xét tuyển 2 đợt nếu còn chỉ tiêu trong năm 2025. Hạn hoàn thành tuyển sinh trước 31 tháng 12 năm 2025. Dự kiến mốc thời gian xét tuyển các đợt như sau:

- Đợt 1: Từ 08-12/9/2025
- Đợt 2: Từ 08-12/12/2025 (nếu còn chỉ tiêu)

6.2. Công bố kết quả trúng tuyển

- Đợt 1: Trước ngày 30/09/2025
- Đợt 2: Dự kiến trước ngày 27/12/2025.

II. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Đối tượng, điều kiện đăng ký dự tuyển

1.1. Điều kiện về văn bằng

Thí sinh cần đáp ứng các điều kiện về văn bằng sau:

- **Thạc sĩ Y tế công cộng** (Chương trình đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN) lần 2 năm 2023)
 - + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Y tế công cộng; hoặc
 - + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ ngành y tế công cộng) đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.
- **Thạc sĩ Quản lý bệnh viện** (Chương trình đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN) lần 2 năm 2023)

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành Tổ chức và quản lý Y tế, Quản lý/Quản trị bệnh viện; hoặc
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ ngành Tổ chức và quản lý Y tế, Quản lý/Quản trị bệnh viện) đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Quản lý y tế do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học (Chương trình đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo năm 2024)

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học; hoặc
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành: *Sinh học, Công nghệ sinh học, Hóa học, Công nghệ hóa học, Dược* và những ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (trừ ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học) và đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- Thạc sĩ Dinh dưỡng

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp: Dinh dưỡng
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành *Cử nhân Hóa thực phẩm, Công nghệ thực phẩm, Sinh học, Công nghệ sinh học, Công nghệ chế biến thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm* và những ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (trừ ngành dinh dưỡng) và đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Dinh dưỡng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

-Thạc sĩ Công tác xã hội

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Công tác xã hội;

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ ngành Công tác xã hội) đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Công tác xã hội do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển..
- *Lưu ý: Thí sinh dự kiến theo học định hướng nghiên cứu của **5 NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NÓI TRÊN** (sẽ đăng ký sau khi trúng tuyển). Yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Chi tiết về các Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu và ứng dụng của Trường Đại học Y tế công cộng có tại đường link: <https://huph.edu.vn/sites/qldt/c/dao-tao-thac-si>.*

1.2. Điều kiện miễn thi tiếng Anh

Thí sinh được miễn thi môn tiếng Anh nếu có các văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng Anh;
- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do trường Đại học Y tế công cộng cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu tiếng Anh đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- + Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục kèm theo);
- + Đối với ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên).

2. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

Nội dung và thời gian từng môn thi

Tên ngành	Môn 1 (120 phút)	Môn 2 (120 phút)
-----------	------------------	------------------

Thạc sĩ Y tế công cộng	Dịch tễ - Sức khỏe Môi trường	Tiếng Anh (trình độ B1): Thời gian thi: 120 phút, nội dung thi: 2 kỹ năng: đọc và viết
Thạc sĩ Quản lý bệnh viện	Tổ chức quản lý y tế	
Thạc sĩ Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Vì sinh – Hóa sinh – Huyết học	
Thạc sĩ Dinh dưỡng	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	
Thạc sĩ Công tác xã hội	Các phương pháp can thiệp của công tác xã hội	

3. Đối tượng và chính sách ưu tiên

3.1. Đối tượng ưu tiên

STT	Danh mục đối tượng ưu tiên	Minh chứng pháp lý
1	Người có thời gian công tác liên tục > 2 năm tại Khu vực 1	- Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự - Bản sao công chứng quyết định tuyển dụng/ quyết định tiếp nhận và phân công công tác/ Hợp đồng lao động
2	<i>Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú > 2 năm tại Khu vực 1</i>	- Xác nhận của chính quyền địa phương thường trú và bản sao công chứng sổ hộ khẩu thường trú
3	<i>Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh</i>	- Xác nhận của Phòng Lao động thương binh xã hội - Bản sao công chứng thẻ chính sách thương binh
4	<i>Con liệt sĩ</i>	- Xác nhận của Phòng Lao động thương binh xã hội - Bản sao công chứng chứng nhận gia đình liệt sĩ
5	<i>Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động</i>	-Bản sao công chứng quyết định anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động

6	<i>Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận</i>	- Bản sao công chứng quyết định trợ cấp ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
---	--	---

3.2. Chính sách ưu tiên

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn thi chuyên ngành

4. Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có)

- Điểm xét tuyển là điểm môn chuyên ngành cộng điểm ưu tiên (nếu có), điểm môn tiếng Anh cộng điểm ưu tiên (nếu có) là môn điều kiện. Căn cứ chỉ tiêu sẵn có đã được thông báo, điểm xét tuyển và điểm điều kiện của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.

- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
- ✓ Người được miễn thi Tiếng Anh;
- ✓ Người có điểm cao hơn của môn Tiếng Anh;

- Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định

5. Chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh chỉ tiêu và xét tuyển bổ sung

5.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025 đối với từng ngành:

- Thạc sĩ Y tế công cộng: Dự kiến 113 chỉ tiêu
- Thạc sĩ Quản lý bệnh viện: Dự kiến 70 chỉ tiêu
- Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học: Dự kiến 66 chỉ tiêu.
- Thạc sĩ Dinh dưỡng: Dự kiến 45 chỉ tiêu
- Thạc sĩ Công tác xã hội: Dự kiến 25 chỉ tiêu

5.1. Điều chỉnh chỉ tiêu:

Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ của mỗi ngành có thể điều chỉnh trong phạm vi năng lực của ngành nhưng phải đảm bảo báo cáo và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tối thiểu 30 ngày trước khi tổ chức thi tuyển

5.2. Xét tuyển bổ sung

Sau thời gian nhập học Hội đồng tuyển sinh sẽ thực hiện xóa tên học viên trúng tuyển trong các trường hợp sau:

- Học viên không thực hiện nhập học theo thông báo;
- Học viên xin thôi học;
- Học viên vi phạm kỷ luật đến mức đình chỉ học tập.

Căn cứ trên chỉ tiêu sau khi xóa tên học viên, các ứng viên đạt điều kiện chưa được xét trúng tuyển ngay sau người trúng tuyển cuối cùng sẽ được xét trúng tuyển bổ sung cho đến khi đủ chỉ tiêu. Việc xét tuyển bổ sung hoàn thành trước 31/12/2025.

6. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự tuyển đựng trong phong bì hồ sơ A4

- Bìa hồ sơ
- Các giấy tờ trong túi hồ sơ đầy đủ, xếp theo thứ tự được liệt kê ở bìa túi hồ sơ:
 - ✓ Phiếu đăng ký dự thi sau đại học
 - ✓ Thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ bằng bản giấy theo mục hồ sơ tuyển sinh về Trường Đại học Y tế công cộng đúng hạn.
 - ✓ Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và đóng dấu giáp lai (thời gian không quá 6 tháng tính đến thời điểm dự thi)
 - ✓ Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ sau:
 - a. Bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học.
 - b. Bằng tốt nghiệp thạc sĩ, bằng điểm thạc sĩ.
 - c. Chứng minh thư nhân dân/ căn cước công dân.
 - d. Các văn bằng tiếng Anh theo qui định (để làm căn cứ xét miễn thi).
 - e. Các chứng chỉ bổ sung các môn học theo quy định (nếu thuộc diện phải bổ túc kiến thức chuyên ngành).
 - ✓ Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập, công tác của một bệnh viện đa khoa trong vòng 6 tháng trở lại.
 - ✓ Văn bản có giá trị pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu thuộc diện ưu tiên).
 - ✓ 04 ảnh chụp trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển, cỡ 3x4 cm của thí sinh (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm sinh ở mặt sau của ảnh).

- ✓ 02 Phong bì, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của người nhận

7. Tổ chức tuyển sinh và công bố trúng tuyển

7.1. Tổ chức tuyển sinh

Trường Đại học Y tế công cộng dự kiến tổ chức thi tuyển 2 đợt trong năm 2024. Dự kiến mốc thời gian thi tuyển các đợt như sau:

- Đợt 1: Từ 15-17/8/2025
- Đợt 2: Dự kiến từ 21-23/11/2025

7.2. Công bố kết quả trúng tuyển

- Đợt 1: Dự kiến trước ngày 30/09/2025
- Đợt 2: Dự kiến trước ngày 27/12/2025

III. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA

1. Đối tượng, điều kiện đăng ký dự tuyển

1.1. Điều kiện về văn bằng

Điều kiện về văn bằng đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa II Tổ chức Quản lý y tế

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: Sau khi tốt nghiệp Chuyên khoa I (CKI) hoặc Bác sĩ Nội trú hoặc thạc sĩ.

- Về văn bằng:

- + Có bằng tốt nghiệp CKI hoặc Thạc sĩ các ngành tương ứng bao gồm: Tổ chức quản lý Y tế, Quản lý bệnh viện, Y tế công cộng.
- + Những thí sinh có bằng CKI hoặc Thạc sĩ gồm các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (trừ nhóm ngành Dược học) quy định trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) (trừ 3 ngành tương ứng) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, phải có chứng chỉ lớp Bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự thi tuyển sinh và phải có xác nhận bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị về việc thí sinh đang làm lãnh đạo hoặc đã được quy hoạch lãnh đạo cấp Khoa/Phòng/ Bộ môn trở lên.

Điều kiện về văn bằng và thâm niên công tác đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng:

- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y tế công cộng.

- + Thí sinh có bằng đại học thuộc các ngành khác trong Danh mục ngành phù hợp: gồm các ngành được quy định trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phải có chứng chỉ Bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự thi tuyển sinh.
- + Kinh nghiệm thâm niên công tác: Có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực y tế tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.2. Điều kiện miễn thi môn Tiếng anh:

- Đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa II Tổ chức Quản lý y tế:
 - + Thí sinh đạt trình độ tương đương từ bậc 3 trở lên của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
 - + Thí sinh có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Tiếng Anh hoặc ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ sau đại học mà chương trình được thực hiện bằng tiếng Anh
- Đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa I Y tế công cộng: Không áp dụng

2. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

Trình độ	Môn 1 (120 phút)	Môn 2 (120 phút)
CKII Tổ chức quản lý y tế	Tổ chức và quản lý y tế	Tiếng Anh (trình độ B1): Thời gian thi: 120 phút, nội dung thi: 2 kỹ năng: đọc và viết
CKI Y tế công cộng	Tổ chức quản lý y tế	Toán thống kê

3. Đối tượng và chính sách ưu tiên

3.1. Đối tượng ưu tiên

		Xét ưu tiên		
STT	Danh mục đối tượng ưu tiên	CKI	CKII	Minh chứng pháp lý

1	Người có thời gian công tác liên tục > 2 năm tại Khu vực 1	x		- Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự - Bản sao công chứng quyết định tuyển dụng/ quyết định tiếp nhận và phân công công tác/ Hợp đồng lao động
2	Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú >2 năm tại Khu vực 1	x		- Xác nhận của chính quyền địa phương thường trú và bản sao công chứng sổ hộ khẩu thường trú
3	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	x		- Xác nhận của Phòng Lao động thương binh xã hội - Bản sao công chứng thẻ chính sách thương binh
4	Con liệt sĩ	x		- Xác nhận của Phòng Lao động thương binh xã hội - Bản sao công chứng chứng nhận gia đình liệt sĩ
5	Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động	x		-Bản sao công chứng quyết định anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động
6	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận	x		- Bản sao công chứng quyết định trợ cấp ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

3.2. Chính sách ưu tiên

- Đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa I Y tế công cộng: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi chuyên ngành và 01 điểm (thang điểm 10) cho môn Toán thống kê

4. Điều kiện trúng tuyển

4.1. Điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh dự thi chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có)

- Điểm xét tuyển là điểm môn chuyên ngành cộng điểm ưu tiên (nếu có), điểm môn tiếng Anh cộng điểm ưu tiên (nếu có) là môn điều kiện. Căn cứ chỉ tiêu sẵn có đã được thông báo, điểm xét tuyển và điểm điều kiện của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.

- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2009 về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
- ✓ Người được miễn thi Tiếng Anh;
- ✓ Người có điểm cao hơn của môn Tiếng Anh;

- Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh sau đại học quyết định

4.2. Điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh dự thi chuyên khoa I Y tế công cộng

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có)

- Điểm xét tuyển là tổng điểm 2 môn dự thi (Chuyên ngành + Toán thống kê và điểm ưu tiên (nếu có)). Căn cứ chỉ tiêu sẵn có đã được thông báo và điểm xét tuyển của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.

- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2009 về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
- ✓ Người có điểm cao hơn của môn chuyên ngành;

- Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh sau đại học quyết định

5. Chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh chỉ tiêu và xét tuyển bổ sung

5.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025 đối với từng ngành:

- Chuyên khoa cấp II Tổ chức Quản lý y tế: Dự kiến 108 chỉ tiêu
- Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng: Dự kiến 38 chỉ tiêu

5.1. Điều chỉnh chỉ tiêu:

Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ chuyên khoa có thể điều chỉnh trong phạm vi năng lực của ngành nhưng phải đảm bảo báo cáo và được Bộ Y tế phê duyệt tối thiểu 30 ngày trước khi tổ chức thi tuyển

5.2. Xét tuyển bổ sung

Sau thời gian nhập học Hội đồng tuyển sinh sẽ thực hiện xóa tên học viên trúng tuyển trong các trường hợp sau:

- Học viên không thực hiện nhập học theo thông báo;
- Học viên xin thôi học;
- Học viên vi phạm kỷ luật đến mức đình chỉ học tập.

Căn cứ trên chỉ tiêu sau khi xóa tên học viên, các ứng viên đạt điều kiện chưa được xét trúng tuyển ngay sau người trúng tuyển cuối cùng sẽ được xét trúng tuyển bổ sung cho đến khi đủ chỉ tiêu. Việc xét tuyển bổ sung hoàn thành trước 31/12/2025.

6. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự tuyển đựng trong phong bì hồ sơ A4

- Bìa hồ sơ
- Các giấy tờ trong túi hồ sơ đầy đủ, xếp theo thứ tự được liệt kê ở bìa túi hồ sơ:
 - ✓ Phiếu đăng ký dự thi sau đại học
 - ✓ Thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ bằng bản giấy theo mục hồ sơ tuyển sinh về Trường Đại học Y tế công cộng đúng hạn.
 - ✓ Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và đóng dấu giáp lai (thời gian không quá 6 tháng tính đến thời điểm dự thi)
 - ✓ Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ sau:
 - a. Bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học.
 - b. Bằng tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I, Bác sĩ nội trú, thạc sĩ, bằng điểm thạc sĩ.
 - c. Chứng minh thư nhân dân/ căn cước công dân.
 - d. Các văn bằng tiếng Anh theo qui định (để làm căn cứ xét miễn thi).
 - e. Các chứng chỉ bổ sung các môn học theo quy định (nếu thuộc diện phải bổ túc kiến thức chuyên ngành).
 - ✓ Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập, công tác của một bệnh viện đa khoa trong vòng 6 tháng trở lại.
 - ✓ Văn bản có giá trị pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu thuộc diện ưu tiên).
 - ✓ 04 ảnh chụp trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển, cỡ 3x4 cm của thí sinh (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm sinh ở mặt sau của ảnh).

- ✓ 02 Phong bì, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của người nhận

7. Tổ chức tuyển sinh và công bố trúng tuyển

7.1. Tổ chức tuyển sinh

Trường Đại học Y tế công cộng dự kiến tổ chức thi tuyển 2 đợt trong năm 2024. Dự kiến mốc thời gian thi tuyển các đợt như sau:

- Đợt 1: Từ 15-17/8/2025
- Đợt 2: Dự kiến từ 21-23/11/2025

7.2. Công bố kết quả trúng tuyển

- Đợt 1: Dự kiến trước ngày 30/09/2025
- Đợt 2: Dự kiến trước ngày 27/12/2025

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO CHUẨN

1. Tiến sĩ Y tế công cộng: từ 3 - 4 năm.
2. Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: từ 3 - 4 năm.
3. Chuyên khoa cấp II Tổ chức Quản lý Y tế: 2 năm.
4. Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng: 2 năm.
5. Thạc sĩ Y tế công cộng: 18 tháng.
6. Thạc sĩ Quản lý bệnh viện: 18 tháng.
7. Thạc sĩ Xét nghiệm kỹ thuật Y học: 18 tháng.
8. Thạc sĩ Dinh dưỡng: 18 tháng
9. Thạc sĩ Công tác xã hội: 18 tháng

V. THỦ TỤC TUYỂN SINH

1.1. Thời hạn và địa điểm nộp hồ sơ

- **Thời hạn nộp hồ sơ:** 8h00-16h30 từ ngày 03/03/2025 đến ngày 13/06/2025 (*trừ Thứ 7, Chủ Nhật và các ngày Lễ, Tết nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại trường*).

- **Cách thức nộp hồ sơ:** Nộp trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng hoặc qua đường bưu điện (thời gian nộp hồ sơ được tính theo dấu bưu điện).

- Địa điểm nhận hồ sơ

Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng A114 - Tầng 1- Nhà A- Trường Đại học Y tế công cộng, Số 1A Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 024. 6266 2335; Fax: 024. 6266 2385

Email: dtsdh@huph.edu.vn; Website: <https://tuyensinh.huph.edu.vn>

1.2 Thời gian ôn tập

Dự kiến từ 13/6/2025 đến 27/7/2025 (thí sinh có thể theo dõi Thông báo khai giảng lớp ôn thi trên website tuyển sinh của Trường Đại học Y tế công cộng:

<http://tuyensinh.huph.edu.vn>)

1.3. Kinh phí ôn tập và thi tuyển tại Trường Đại học Y tế công cộng:

*** Đối với thí sinh thi tuyển trình độ Thạc sĩ và CKI YTCC, CKII TCQLYT:**

- Kinh phí đăng ký dự thi: 60.000đ/1 thí sinh.
- Kinh phí hồ sơ: 60.000đ/1 hồ sơ
- Kinh phí thi tuyển: 120.000đ/môn.
- Học phí ôn tập:

STT	Môn học	Học phí trong giờ/môn	Học phí ngoài giờ/môn
1	Toán thống kê (CKI)	1.200.000 đ	1.800.000 đ
2	Tiếng Anh (ThS, CKII)	1.200.000 đ	1.800.000 đ
3	Tổ chức quản lý y tế (ThS, CKI, CKII)	1.200.000 đ	1.800.000 đ
4	Dịch tễ - Sức khỏe môi trường	1.200.000 đ	1.800.000 đ
5	Vi sinh - Hóa sinh - Huyết học	1.400.000 đ	2.100.000 đ
6	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	1.200.000 đ	1.800.000 đ
7	Các phương pháp can thiệp của công tác xã hội	1.200.000 đ	1.800.000 đ

Lưu ý:

- Mức thu trên áp dụng đối với lớp có từ 20 học viên/1 môn trở lên.
- Lớp có từ 10-20 học viên: hệ số thu thêm của học phí là 1,3 lần/1 môn.
- **Lớp có từ 01-09 học viên:** Tùy theo kế hoạch và mức thu học phí theo quy định trong thông báo của Trường tại thời điểm dự kiến mở lớp..

*** Đối với thí sinh thi tuyển trình độ Tiến sĩ:**

- Kinh phí hồ sơ: 100.000đ/1 hồ sơ.

- Kinh phí đăng ký xét tuyển hồ sơ: 200.000đ/1 thí sinh
- Kinh phí Hội đồng xét tuyển: 5.000.000đ/thí sinh

Ghi chú: Học phí ôn thi (nếu thí sinh có đăng ký ôn thi) và lệ phí thi được nộp trước khi nộp hồ sơ tại phòng Tài chính – Kế toán (phòng A206 – tầng 2 nhà A) hoặc chuyển khoản theo thông tin:

Tên tài khoản: Trường Đại học Y tế công cộng

Số tài khoản: 1260165552 Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình

Nội dung nộp tiền: Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, kinh phí thi tuyển sinh ngành....môn... (Ví dụ: Nguyễn Văn A, 12/01/1985, thi tuyển sinh Ths YTCC_tên môn)

VI. THÔNG TIN VỀ HỌC PHÍ, HỌC BỔNG, KÝ TÚC XÁ

1. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Nhà trường cam kết hỗ trợ thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro và hỗ trợ giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

2. Thông tin về học phí

Bảng 3. Học phí dự kiến năm học 2025-2026

STT	Hệ đào tạo	Học phí theo niên chế (đồng/ tháng)	Học phí theo niên chế năm học 2025-2026 (đồng/năm)
I	Thạc sĩ Y tế công cộng		
1	Khóa 29	4.071.000	40.710.000
II	Thạc sĩ Quản lý bệnh viện		
1	Khóa 18	4.071.000	40.710.000
III	Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1	Khóa 6	5.133.000	51.330.000
IV	Thạc sĩ Dinh Dưỡng		
1	Khóa 3	4.071.000	40.710.000
V	Thạc sĩ Công tác xã hội		
1	Khóa 2	2.788.500	27.885.000

VI	Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng		
1	Khóa 45	3.256.800	32.568.000
VII	Chuyên khoa cấp II Tổ chức Quản lý Y tế		
1	Khóa 12	4.613.800	46.138.000
VIII	Tiến sĩ	5.428.000	54.280.000

Lưu ý: Học phí sẽ phụ thuộc vào số tín chỉ sinh viên đăng ký

Lộ trình tăng học phí theo quy định tại NĐ 97/2023/NĐ-CP đối với năm học 2025-2026 và 2026-2027; các năm học tiếp theo cho đến hết khóa học do Nghị định chưa quy định nên áp dụng mức thu bằng năm học 2026-2027. Khi các cơ quan có thẩm quyền có thay đổi thì nhà trường sẽ điều chỉnh và thông báo cho người học.

3. Thông tin về tài chính

Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 143.122.050.366 đồng

4. Thông tin về chính sách học bổng

Nhà trường có học bổng thu hút sinh viên trường ĐHYTCC có thành tích tốt trong học tập tiếp tục học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp:

- Tiêu chí: Học viên là cựu sinh viên tốt nghiệp từ loại giỏi trở lên, dự tuyển sau khi tốt nghiệp trong vòng 02 năm, trúng tuyển và nhập học năm 2025.
- Mức học bổng: 10% học phí toàn khóa học (khoảng 6-7 triệu/1 suất)
- Dự kiến: Khoảng 10 học viên x 6-7 triệu/1 suất = 60-70 triệu (lấy từ nguồn học phí).

5. Thông tin về miễn giảm học phí

Nhà trường thực hiện việc miễn giảm học phí cho sinh viên căn cứ theo Nghị định Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Nhà trường thực hiện theo quy trình sau: Người học cần chuẩn bị hồ sơ đề nghị miễn giảm học phí, bao gồm đơn xin miễn giảm, giấy tờ chứng minh đối tượng đủ điều kiện. Nộp hồ sơ tới bộ phận phụ trách miễn giảm học phí của trường theo quy định thời gian. Nhà trường thực hiện xét duyệt, thông báo kết quả cho sinh viên và cập nhật thông tin lên phần mềm quản lý.

Quy trình miễn giảm học phí xem chi tiết tại: <https://huph.edu.vn/sites/cthssv/quy-trinh-mien-giam-hoc-phi>

6. Thông tin về ký túc xá

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; căn cứ Quyết định 1797/QĐ- ĐHYTCC ngày 14/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng về việc ban hành Quy chế quản lý người học nội trú. Nhà trường thực hiện bố trí sinh viên vào ở ký túc xá theo thứ tự ưu tiên và quản lý sinh viên nội trú theo đúng quy định ban hành.

Quy trình đăng ký ký túc xá xem chi tiết tại: <https://huph.edu.vn/sites/cthssv/quy-trinh-quan-ly-sinh-vien-noi-ngoai-tru>

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hà

PHỤ LỤC

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ, thạc sĩ, chuyên khoa

(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm		
			Trình độ/Thang điểm Tương đương Bậc 3	Trình độ/Thang điểm Tương đương Bậc 4	Quyết định công nhận tương đương Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021
		TOEFL ITP	450 - 499		Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021

		Aptis ESOL	B1	B2	Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31/03/2023
		PTE Academic (Pearson Test of English Academic)	43 - 58	59 - 75	Quyết định số 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30/08/2024
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 2	Level 3	Quyết định số 93/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранном у	ТРКИ-1	ТРКИ-2	Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021

Lưu ý: Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp theo Thông báo của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 17/04/2024 về danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Danh sách có thể cập nhật theo Thông báo mới của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công Thương
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM

22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Đại học Kinh tế TP. HCM
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học viện Ngân hàng